

Bản án số: **150/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/3/2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 439/2022/TLST- HNGD ngày 13 tháng 6 năm 2022 Về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/QĐXX-HNGĐ ngày 13/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 13/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Ngọc T1, sinh năm 1970; HKTT và trú tại: Tổ dân phố 2 thôn MN, phường TM, quận N, Hà Nội. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị T2, sinh năm 1972; HKTT: Tổ dân phố 2 thôn MN, phường TM, quận NTL, Hà Nội. Hiện trú tại: Phòng 608, CT2, chung cư BH Fodacon, phường ML, quận H, Hà Nội. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn ông Đỗ Ngọc Toàn trình bày:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 và chị Trần Thị T2 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện T, Hà Nội (nay là phường TM, quận N) ngày 24/4/1995 (Giấy chứng nhận kết hôn bị thất lạc, nay xuất trình bản sao). Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại xã TM, huyện T, Hà Nội cùng gia đình chồng.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do áp lực kinh tế nợ nần, tình cảm rạn nứt. Mâu thuẫn căng thẳng đến năm 2015, vợ chồng cãi chửi nhau, vợ chồng có xô xát, chị T2 bỏ nhà đi. Tháng 7/2016, chị T2 có quay về ở lại nhà được khoảng 2 tháng. Sau đó tiếp tục mâu thuẫn nên chị T2 chuyển sang quận H ở cùng con gái tên là Đỗ Hải C.

Sau khi chị T2 đi, anh T1 có nhắn tin, gọi điện bảo về nhưng chị T2 không về. Chị T2 đã từng làm đơn ra Tòa án quận N để ly hôn, sau đó lại rút đơn. Tuy nhiên, hai vợ chồng không còn nói chuyện, không quan tâm đến đời sống của nhau. Anh T1 gọi nhiều lần chị T2 không nghe máy. Vợ chồng ly thân từ năm 2015, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm.

Nay anh T1 xác định không còn tình cảm với chị T2, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T2.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là: Đỗ Ngọc H, sinh ngày 05/10/1995, và Đỗ Hải C, sinh ngày 03/4/2001. Các con phát triển khỏe mạnh bình thường. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Cháu H đã có gia đình vợ con, hiện đang ở cùng anh T1. Cháu Hải C đang ở với mẹ. Anh, chị không có tranh chấp về con, không đề nghị giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh T1 được bố mẹ cho đứng tên nhà đất tại tổ dân phố 4, DN, phường TM, quận N. Nhà đất có diện tích hiện tại 167m<sup>2</sup>. Hiện có nhà cấp 4, trên đất không có ai ở. Giấy chứng nhận đứng tên hộ ông Đỗ Ngọc T1, trong hộ có tên Đỗ Ngọc T1, bà Trần Thị H, chị Trần Thị T2, và các con Đỗ Ngọc H, Đỗ Hải C.

Nếu ly hôn, anh T1 không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản.

4. Về công nợ chung: Anh, chị có vay nợ chung nhưng mẹ anh đã trả hết, nên không yêu cầu giải quyết.

#### **Ý kiến của Bị đơn, chị Trần Thị T2:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Ngọc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện T (nay là phường TM, quận N) ngày 14/4/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại TM, TL, Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 ngoại tình, có quan hệ bạn gái ngoài luồng. Anh T1 về chửi và đánh đập chị. Các con và gia đình đều biết. Đỉnh điểm là đến năm 2015, vợ chồng cãi nhau, anh T1 đánh chị, chị thấy mệt mỏi, nên xin phép mẹ chồng về bên ngoại ở 01 năm. Tháng 7/2016, bố anh T2 mất thì chị có về chịu tang, và ở lại nhà được khoảng 2 tháng. Sau đó vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn nên chị chuyển sang quận H ở nhờ nhà chị gái cùng con gái tên là Đỗ Hải C. Suốt quá trình 7 năm chị và con ở quận H, anh T1 không thăm nom, chăm sóc gì. Hai

vợ chồng không còn nói chuyện, không quan tâm đến đời sống của nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2015, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm.

Nay anh T1 có đơn xin ly hôn, chị cũng xác định không còn tình cảm với anh T1 nên chị đồng ý ly hôn nhưng chị đề nghị anh T1 phải thanh toán nợ và hỗ trợ chị một khoản để ổn định chỗ ở của hai mẹ con.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Ngọc H, sinh ngày 5/10/1995, và Đỗ Hải C, sinh ngày 03/4/2001. Các con phát triển khỏe mạnh bình thường. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng chị được bố mẹ chồng cho nhà đất tại tổ dân phố 4, DN, phường TM, quận N. Nhà đất có diện tích 212m<sup>2</sup> đã bán một phần là 44,5m<sup>2</sup> cho anh T3. Anh T3 đã xây nhà ở trên đất từ năm 2009. Hiện phần nhà đất còn lại của vợ chồng chị không có ai ở.

Nếu ly hôn, chị tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về công nợ chung: Năm 2012, Vợ chồng có vay để cho T1 làm ăn gồm:

- Chị Trần Thị S: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);
- Chị Trần Thị T4: 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng);
- Chị Trần Thị Tuyết M: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);

Việc vay nợ không có giấy tờ gì. Anh T1 có nhận tiền này.

Chị đề nghị anh T1 trả toàn bộ số nợ trên vì anh T1 sử dụng tiền vay trên.

Ngoài ra chị T2 đề nghị anh T1 hỗ trợ chị số tiền 500.000.000 đồng để mua nhà và nuôi con ăn học.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh T1 và chị T2 tại địa phương, được đại diện tổ dân phố 13 phường ML cung cấp: Tại địa chỉ Phòng 608, CT2, chung cư BH Fodacon, phường ML, quận H, Hà Nội chỉ có chị T2 và con gái Đỗ Hải C sinh sống, không có anh T1 sống cùng ở đây. Hiện anh T1 và chị T2 mỗi người ở một nhà. Nay anh T1 xin ly hôn, đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải, và giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa, anh T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với chị T2; chị T2 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được báo gọi hợp lệ lần thứ 2 nhưng không đến phiên tòa không có lý do, do đó xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy vợ chồng anh T1 và chị T2 có mâu thuẫn kéo dài, ngày càng trầm trọng, không hòa giải được, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân

không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T1, cho anh T1 được ly hôn chị T2; Về con chung: Các con của anh T1 và chị T2 đã trưởng thành không đặt vấn đề giải quyết. Về tài sản chung: không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Chị T2 có trình bày yêu cầu nhưng không xuất trình chứng cứ, không có đơn đề nghị, anh T1 cũng không thừa nhận, do đó không có cơ sở xem xét, dành quyền khởi kiện cho đương sự ở vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu; về yêu cầu của chị T2 yêu cầu anh T1 hỗ trợ một khoản cho mẹ con chị ổn định chỗ ở nhưng anh T1 không đồng ý, không có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***Về tố tụng:***

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đỗ Ngọc T1 khởi kiện xin ly hôn chị Trần Thị T2 nên đây là tranh chấp về việc Ly hôn. Hiện chị T2 trú tại Phòng 608, CT2, chung cư BH Fodacon, phường ML, quận H, Hà Nội, do đó theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Về việc vắng mặt bị đơn tại phiên tòa: Xét chị T2 đã được báo gọi hợp lệ, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, chị T2 đã tham gia hòa giải và có lời khai đầy đủ. Xét việc vắng mặt chị T2 không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

#### ***Về nội dung:***

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Ngọc T1 và chị Trần Thị T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện T (nay là phường TM, quận N) ngày 14/4/1995 theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai của anh T1, chị T2 trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống, vợ chồng anh T1, chị T2 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, giữa hai bên thường xuyên xảy ra bất hòa. Cuộc sống chung đã không có sự cảm thông và chia sẻ với nhau trong một thời gian dài. Mặc dù anh T1, chị T2 đã tự hòa giải và được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Mâu thuẫn căng thẳng kéo dài dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2015. Mỗi người sống một nhà, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không quan hệ tình cảm và không còn thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ vợ chồng với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa

án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng anh, chị nhưng không thành. Cho đến thời điểm hiện tại, hai bên cũng không tìm được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, quay về đoàn tụ với nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa anh T1, chị T2 không đạt được trên thực tế, khả năng vợ chồng quay lại chung sống với nhau là không còn. Nay anh T1 xin ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh T1, cho anh T1 được ly hôn chị T2.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là: Đỗ Ngọc H, sinh ngày 5/10/1995, và Đỗ Hải C, sinh ngày 03/4/2001. Các con phát triển khỏe mạnh bình thường. Các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Anh T1 và chị T2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về nợ chung: Anh T1 không yêu cầu giải quyết. Chị T2 có đưa ra yêu cầu anh T1 cùng có trách nhiệm trả nợ. Cụ thể:

- Chị Trần Thị S: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);
- Chị Trần Thị T4: 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng);
- Chị Trần Thị Tuyết M: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng);

Đối với các khoản nợ trên, anh T1 không thừa nhận.

Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ về việc vay nợ và tên tuổi, địa chỉ của những người liên quan trên, chị T2 không cung cấp, cũng không có đơn yêu cầu. Do đó không có căn cứ xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự ở vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

Về yêu cầu của chị T2 đối với anh T1: yêu cầu anh T1 hỗ trợ chị số tiền 500.000.000 đồng để mua nhà và nuôi con ăn học nhưng anh T1 không đồng ý, nên không có cơ sở xem xét.

[4]. Về án phí: Anh T1 phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Ngọc T1 đối với chị Trần Thị T2. Cho anh Đỗ Ngọc T1 được ly hôn chị Trần Thị T2.
2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là: Đỗ Ngọc H, sinh ngày 5/10/1995, và Đỗ Hải C, sinh ngày 03/4/2001. Các con phát triển khỏe mạnh bình thường, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1, chị T2 không yêu cầu giải quyết, Tòa án không xem xét.
4. Về án phí: Anh Đỗ Ngọc T1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (được đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010216 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội).
5. Về quyền kháng cáo: Anh T1 có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị T2 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

### **Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường, xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**Nguyễn Thị Thoa**